

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 277/2017/HSPT

Ngày: 19 - 9 - 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương, bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 273/2017/HSPT ngày 30/8/2017 đối với bị cáo Mai Văn T do có kháng cáo của bị cáo Mai Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **MAI VĂN T**, sinh năm 1961; tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: Lớp 05/12; con ông Mai L (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Trần Thị Mai H và có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957; trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, Đăk Lăk, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 ngày 27/12/2016, bà Nguyễn Thị X cùng con trai Huỳnh Văn O và anh Trần B xạc cà phê khô cho gia đình bà X. Lúc này, gia đình bị cáo Mai Văn T nhà ở sát bên đang làm cơm cúng, do bụi bay vào thực phẩm nên bà Trần Thị Mai H là vợ của bị cáo và bị cáo đã yêu cầu bà X tắt máy quay sang hướng khác xạc cà phê nhiều lần nhưng bà X không nghe thấy mà vẫn tiếp tục xạc. Bị cáo T đã múc nước tạt qua làm ướt cà phê nhân của bà X. Sau đó, bà X rút ba đoạn cây củi khô ở sân ném trúng trán bị cáo T làm xước da và chảy máu, bị cáo T một tay ôm trán còn một tay nhặt đoạn cây vừa bị bà X ném trúng, ném trả về phía bà X, cùng lúc đấy thì bà X ngước mắt lên nên đầu đoạn cây bay trúng mắt phải bà X gây thương tích, bà X ôm mặt nằm xuống sân, sau đó được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu .

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 248/Py – TgT ngày 27/02/2017, của trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Bà Nguyễn Thị X bị vết thương mắt phải, đứt lệ quản, tổn thương thần kinh thị, gây thành trong và sần hóc mắt, tỷ lệ thương tích 50 % .

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 3 Điều 104; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 07/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 590, Điều 585 Bộ luật dân sự: Chấp nhận việc bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị X với số tiền 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*). Bị cáo có trách nhiệm phải bồi thường thêm các chi phí hợp lý khác cho người bị hại với số tiền 77.200.000đ (*bảy mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2017, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt và xin giảm mức bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Mai Văn T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã

xét xử bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH1 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là thiếu sót vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, xét mức hình phạt 04 (bốn) năm tù đối với bị cáo Mai Văn T mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường các khoản chi phí thiệt hại là đúng với quy định của pháp luật; tuy nhiên, khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe 40.000.000 đồng là cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức bồi thường cho phù hợp. Từ các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 248, khoản 3 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo về giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo, ngoài ra giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 27/12/2016, bị cáo Mai Văn T đã có hành vi dùng một đoạn củ khô ném trúng vào mắt phải của bà Nguyễn Thị X gây thương tích 50% sức khỏe. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Không Bông xét xử bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH1 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo là thiếu sót nên cần áp dụng bổ sung.

[2] Xét mức hình phạt 04 (bốn) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Mai Văn T là đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét yêu cầu giảm mức bồi thường thiệt hại của bị cáo thì thấy tại bản án sơ thẩm chấp nhận việc bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho bà X số tiền 14.000.000 đồng và buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà X số tiền 77.200.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các khoản chi phí hợp lý cần buộc bị cáo bồi thường như sau:

- Tiền xe đi thành phố Hồ Chí Minh khám chữa bệnh và ngược lại = 1.000.00 đồng;

- Tiền xăng xe đi từ huyện C lên Tp. D và ngược lại để lấy thuốc tổng cộng = 350.000 đồng;

- Thu nhập bị mất của người chăm sóc bà X trong thời gian đưa bà X đi lấy thuốc 7 ngày x 150.000 đồng = 1.050.000 đồng.

- Tiền bồi thường về tổn thất tinh thần: 30.000.000 đồng

Đây là các khoản chi phí hợp lý nên cần chấp nhận.

Đối với khoản thu nhập bị mất của bà X cũng như của người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 9 ngày (từ ngày 27/12/2016 đến ngày 04/01/2017): Tại cấp sơ thẩm bà X yêu cầu mức thu nhập của bà là 2.400.000 đồng và của người chăm sóc là 2.400.000 đồng. Tuy nhiên, công lao động phổ thông tại địa phương được tính là 150.000 đồng/người/ngày, do đó cần điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế là: 9 ngày x 150.000 đồng x 2 người = 2.700.000 đồng

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà X về tiền bồi dưỡng sức khỏe 40.000.000 đồng là cao nên cần điều chỉnh lại tiền bồi dưỡng sức khỏe 30.000.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà X tổng số tiền 65.100.000 đồng. Tại bản án cấp sơ thẩm có quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với người bị hại nhưng chưa quyết định tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của bộ luật dân sự năm 2015 là thiếu sót nên cần áp dụng bổ sung .

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Mai Văn T thuộc diện hộ nghèo và kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 điều 248, khoản 3 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Mai Văn T.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 20/7/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông về phần trách nhiệm dân sự.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH1 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 07/3/2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận bị cáo Mai Văn T đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị X số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Buộc bị cáo Mai Văn T phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường toàn bộ chi phí cứu chữa và các chi phí hợp lý khác cho bà Nguyễn Thị X số tiền 65.100.000đ (sáu mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Mai Văn T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- VKSND huyện Krông Bông;
- Công an huyện Krông Bông;
- Cơ quan THAHS huyện C;
- CC THA DS huyện C;
- Bị cáo;
- ...;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền